

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 09-01-2025  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH L

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Bích Th.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Tuấn Th.
2. Bà Nguyễn Thị Hằng H.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lý Thị T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh D - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Mai Thị T - Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Phú Hợp 2, xã Ph, huyện B, tỉnh L. **Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.**

*2. Bị đơn:* Anh Đỗ Văn L - Sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn Phú Hợp 2, xã Ph, huyện B, tỉnh Lào Cai. **Vắng mặt.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án và bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, chị Mai Thị T trình bày:*

Chị và anh Đỗ Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, nhưng đến ngày 23/12/2002 thì anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Nhuận, huyện B, tỉnh L. Quá trình chung sống đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách làm ăn tạo dựng cuộc sống gia đình và nuôi dạy con cái, anh Loạt ham chơi cờ bạc, thiếu trách nhiệm với gia đình, không chăm lo cho gia đình, con cái, từ đó vợ chồng thường xuyên xô xát cãi nhau, cuộc sống gia đình không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng tình cảm vẫn không cải thiện được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Anh chị đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2022, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Bản thân chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đến nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn L.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai người con chung tên là Đỗ Minh H, sinh ngày: 20/12/1997 và cháu Đỗ Mai A, sinh ngày: 30/05/2014, hiện tại các cháu phát triển bình thường. Khi ly hôn cháu Đỗ Minh H đã đủ tuổi trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết và chị có nguyện vọng nuôi cháu Đỗ Mai A đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Loạt phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết, anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh Đỗ Văn L đi làm ăn xa, không thường xuyên có mặt tại địa phương, nên Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp cho anh Loạt và Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận không khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên Tòa án không hòa giải được vụ án vì vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật: Về thủ tục Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ và giải quyết trong thời hạn luật định.

Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng; Bị đơn đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử cho chị Mai Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn L; Giao cháu Đỗ Mai A cho chị Mai Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Loạt không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, được đi lại thăm nom. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Mai Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Đỗ Văn L. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Phú Nhuận, huyện B, tỉnh L. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị T và anh Đỗ Văn L là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách làm ăn tạo dựng cuộc sống gia đình và nuôi dạy con cái, từ đó vợ chồng không tìm được tiếng

nói chung, vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 06 năm 2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau, mỗi người một nơi. Trong quá trình giải quyết vụ án, do anh Loạt không thường xuyên có mặt tại địa phương vì vậy Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Mâu thuẫn của vợ chồng chị Tươi đã được địa phương xác nhận là đúng sự thật.

Vì vậy việc chị Tươi xin ly hôn với anh Loạt là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Do anh Đỗ Văn L đi làm ăn xa không thường xuyên có mặt tại địa phương, nên Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp cho anh Loạt và Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh Loạt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai người con chung là cháu Đỗ Minh H, sinh ngày: 20/12/1997 và cháu Đỗ Mai A, sinh ngày: 30/05/2014, hiện tại các cháu phát triển bình thường. Khi ly hôn cháu Đỗ Minh H đã đủ tuổi trưởng thành nên chị Tươi không đề nghị Tòa án giải quyết và chị có nguyện vọng nuôi cháu Đỗ Mai A đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Loạt phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, anh Loạt vắng mặt tại địa phương nên Tòa án phải niêm yết các văn bản tố tụng cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Chị Tươi đã cung cấp đơn có xác nhận của địa phương về mức thu nhập của bản thân, đảm bảo điều kiện nuôi con. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu Đỗ Mai A cho chị Tươi trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của cháu Mai Anh. Do chị Tươi không yêu cầu anh Loạt cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị Tươi trình bày về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết, anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tươi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, **Điều 238**, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử cho chị Mai Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn L. Quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị T và anh Đỗ Văn L chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Mai A, sinh ngày: 30/05/2014 cho chị Mai Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Đỗ Văn L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh Đỗ Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mai Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001019 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh L; Chị Mai Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm **vắng mặt nguyên đơn**, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh L;
- VKSND huyện B (2);
- THADS huyện B;
- UBND xã Phú Nhuận;
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Bích Thủy**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoàng Liên**





